

第10課

Bài 10

せいり せいとん
整理整頓

Seiri - Seiton (Sàng lọc - sắp xếp)

第10課(1) Bài 10 (1)

実習生のリンさんは野菜を切る作業を終えました。

Thực tập sinh Lin đã hoàn tất công việc thái rau.

第10課(1) Bài 10 (1)

リン: ^{すずき}鈴木さん、^{さぎょう}作業は^お終わりました。

鈴木: ^{すずき}ありがとうございます。じゃ、^{いた}まな板と^{ほうちよう}包丁を^{あら}洗って。

リン: はい。あのう、^{いた}まな板は^{あら}洗ったあと、

^{もど}どこに^{もど}戻したらいいですか。

鈴木: ^{すずき}消毒するから、あの^{しょうどく}保管庫に^{ほかんこ}立てて、^た入れ^いといて。

リン: ^{ほかんこ}あの保管庫ですね。わかりました。

L: Anh Suzuki, tôi đã làm xong rồi.

S: Cảm ơn. Nào, hãy rửa thớt và dao làm bếp.

L: Vâng. Cho hỏi...sau khi rửa thớt xong thì tôi nên cất lại vào đâu ạ?

S: Vì sẽ khử độc cho nên hãy dựng lên và cho sẵn vào chạn bảo quản kia.

L: Là chạn bảo quản đằng kia nhỉ. Tôi hiểu rồi.

第10課(2) Bài 10 (2)

実習生のリンさんは、ざるを洗い終わり、片づけようとしています。

Thực tập sinh Lin đã rửa xong cái rổ và định cất dọn.

第10課(2) Bài 10 (2)

リン: すみません。このざるはどこに片づけたらいいですか。

鈴木: それは流しの横の棚に片づけといて。

リン: はい、わかりました。

鈴木: リンさん、流しの下じゃないよ。流しの横の棚だよ。

リン: えっ、横。あ、ここですね。

鈴木: うん、流しの下は掃除の道具を置くところだよ。

一緒に置かないでね。

リン: はい、気をつけます。

L: Tôi xin lỗi. Tôi nên cất cái rổ này vào đâu ạ?

S: Cái đó thì cất lên cái kệ bên cạnh bồn rửa ý.

L: Vâng, tôi hiểu rồi.

S: Em Lin, không phải là bên dưới bồn rửa đâu. Là cái kệ bên cạnh bồn rửa ý.

L: Dạ....bên cạnh. A, là chỗ này nhỉ.

S: Ủ, bên dưới bồn rửa là chỗ để dụng cụ vệ sinh đó. Đừng để cùng với nhau nhé.

L: Vâng, tôi sẽ chú ý.

第10課(3) Bài 10 (3)

実習生のリンさんは、指導員の鈴木さんと道具を準備しています。

Thực tập sinh Lin đang chuẩn bị dụng cụ cùng với Người hướng dẫn Suzuki.

第10課(3) Bài 10 (3)

すずき ちょうり はじ じゅんび
鈴木:リンさん、調理を始めるから、バットを準備して。

リン:はい。

すずき だい しょう なら
鈴木:大を2つと、小を4つ、並べといて。

リン:はい、^{おお}大きいのを2つと、^{ちい}小さいのを4つですね。

すずき なら
リン:鈴木さん、バットを並べました。

かくにん
確認していただけますか。

すずき つか じゅんばん なら
鈴木:うん。あ、使う順番に並べてくれたんだ。ありがとう。

S: Em Lin, chúng ta sẽ bắt đầu nấu nên hãy chuẩn bị khay đựng nhé.

L: Vâng.

S: 2 cái to và 4 cái nhỏ, hãy xếp sẵn nhé.

L: Vâng, là 2 cái to và 4 cái nhỏ nhỉ.

L: Anh Suzuki, tôi đã xếp xong khay đựng rồi. Anh có thể xác nhận giúp tôi được không?

S: Ừ. A, đã được xếp theo thứ tự sử dụng rồi. Cảm ơn.